

TRAO ĐỔI

PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY Ở BẬC ĐẠI HỌC TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY – NHỮNG HẠN CHẾ VÀ GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI**Đặng Thị Vân An***

Ngày nhận bài: 5/8/2019 - Ngày gửi phản biện: 10/8/2019

Tóm tắt

Đổi mới phương pháp giảng dạy ở bậc đại học là vấn đề luôn được ngành giáo dục đào tạo và hơn thế nữa được xã hội quan tâm. Trong những năm vừa qua, với quyết tâm đổi mới giáo dục và đào tạo căn bản, toàn diện và triệt để, phương pháp giảng dạy ở bậc đại học đã có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên với yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực có chất lượng cả về chuyên môn và đạo đức, đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế, đổi mới phương pháp giảng dạy ở bậc đại học đang đặt ra những yêu cầu mới ngày càng cao. Bài viết này cung cấp những vấn đề của thực trạng và đề xuất, gợi mở một số giải pháp với mong muốn góp phần đổi mới phương pháp giảng dạy bậc đại học trong bối cảnh mới.

Từ khóa: Đổi mới, Phương pháp, Giảng dạy, Đại học, Việt Nam**Abstract**

Innovating teaching methods at the university level is always a matter of concern by not only the training and education industry but also by the society. Over the past years, with the determination in reforming basic education and training thoroughly and comprehensively, teaching methods at university level has had many positive improvements. However, with increasing requirements for quality human resources both professionally and ethically to meet the need of national development requirements and international integration, innovating teaching methods at the university level are requiring new and higher qualifications. This article provides the status quo as well as suggests some solutions with the desire to contribute to innovating teaching methods at university level in a new context.

I. Thực trạng và nguyên nhân của những bất cập trong phương pháp giảng dạy đại học truyền thống

Phương pháp dạy học truyền thống ở bậc

đại học Việt Nam hiện nay đang bộc lộ nhiều vấn đề bất cập và lạc hậu. Dạy học hiện nay chủ yếu là phương pháp thuyết trình, sử dụng công nghệ dạy học với quan điểm “lấy người dạy làm trung tâm” đã không còn phù hợp. Thuyết giảng theo kiểu thầy giảng, trò nghe, giảng chậm, nhìn rồi chép. Giảng viên tìm đến

* Tổng Biên tập, Tạp chí Khoa học Đại học Cửu Long.

sự trợ giúp của công nghệ, laptop, projector, powerpoint. Chúng ta phải thừa nhận rằng, nhờ vào các công cụ này, các giảng viên có thể đọc cho sinh viên chép nhiều môn học khác nhau mà không cần phải bỏ công sức, thời gian để nghiên cứu kỹ năng chuẩn bị nội dung bài giảng kỹ càng, hấp dẫn. Hệ lụy, người học thụ động tiếp thu bài học một cách phiến diện, một chiều. Người dạy đứng lớp truyền đạt kiến thức theo khuôn khổ giáo trình, bài giảng đã được định sẵn. Tuy nhiên trong quá trình giảng bài, giảng viên có đặt câu hỏi, đưa ra những vấn đề, tình huống... yêu cầu người học suy nghĩ, trả lời, bình luận. Vậy tại sao nói tính thụ động tiếp thu một chiều vẫn bộc lộ. Lý do ở chỗ, mọi vấn đề trao đổi, các câu hỏi, các tình huống mà thầy nêu đều diễn ra theo kịch bản mà người thầy đã chuẩn bị trước. Tính thụ động trong việc tiếp thu kiến thức đã vô tình triệt tiêu sự tư duy, sáng tạo của người học. Trong khi đó, người học để đối phó, kiểm tra thi cho qua môn học “cái gì cũng biết” nhưng thực chất không nắm được bản chất nội dung của kiến thức, không hiểu căn kẽ tường tận môn học. Vì thế không thể vận dụng kiến thức đã học để hình thành kỹ năng nghề nghiệp. Mặt khác trong phương pháp dạy học truyền thống học nhiều lý thuyết nhưng giờ thực tập, thực hành quá ít. Dạy lý thuyết trên lớp vẫn là chủ đạo của các trường đại học hiện nay. Biện pháp thực hành vẫn theo lối cũ, thông qua thực tập chuyên ngành, thực tập cuối khóa. Thời gian thực tập khá ngắn, nội dung nghèo nàn, đơn giản không đủ để các em hình thành kỹ năng chuyên môn, phẩm chất đạo đức, nghề nghiệp để phù hợp với công việc và cuộc sống.

Như vậy, phương pháp “lấy người dạy làm trung tâm” đưa vào quá trình tích lũy kiến thức từ giáo trình vào giảng dạy của người thầy, hiện tại vẫn được áp dụng phổ biến ở nhiều

trường đại học. Sinh viên học từng phần kiến thức, học hết phần này chuyển sang phần khác. Trong quá trình học, sinh viên nêu “ghi nhớ”. Giảng viên chưa chú trọng khả năng tư duy sáng tạo, vận dụng kiến thức vào cuộc sống thực tế. Phương pháp này thực sự không còn thích hợp và hiệu quả trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện nay. Đương nhiên, chúng ta không phủ nhận sạch trơn mà khách quan phải thừa nhận rằng, suốt thời gian dài trong hoàn cảnh thực tiễn nhất định. Nội dung và chương trình giáo dục đại học Việt Nam theo kiểu truyền thống khá phù hợp và đã đem lại nhiều thành tựu quan trọng cho việc bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước. Tuy vậy, thực trạng phương pháp dạy học hiện tại vẫn là điều nhức nhối của đội ngũ giảng viên, sinh viên đang theo học ở bậc đại học. Bởi lẽ trong bối cảnh khoa học, công nghệ, kinh tế, xã hội đang trên đà phát triển chóng mặt. Sinh viên Việt Nam ra trường không kiếm được việc làm do chất lượng đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng vì kiến thức về lý thuyết và thực hành đã tụt hậu quá xa so với sinh viên khu vực, thế giới và quốc tế. Nguyên nhân chủ yếu là, do nội dung đào tạo nặng về lý thuyết, xem nhẹ về thực hành, chưa gắn được mục tiêu quan trọng nhất.

- Đặt nặng chương trình học về mặt thời lượng, chúng ta hãy làm phép so sánh, để chứng minh điều đó với thời gian 4 năm học ở Việt Nam là 2.138 giờ, ở Mỹ là 1.380 giờ. Suy ra chương trình học ở Việt Nam dài hơn 60% so với Mỹ. Chạy đua với thời gian, sinh viên Việt Nam ít có thời gian để tự học, tự nghiên cứu khoa học và tham gia các hoạt động xã hội khác. Đó cũng là một trong những nguyên nhân, đẩy nền giáo dục Việt Nam tụt hậu, xuống dốc và thua kém.

- Chưa tạo được sự liên thông giữa chuẩn mực giáo dục đại học trong nước và quốc tế.

- Do có sự khác biệt về mục tiêu đào tạo sinh viên dẫn đến việc liên thông kiến thức giữa các cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước gặp khó khăn. Hệ lụy dẫn đến cho người học gặp rắc rối khi muốn chuyển đến cơ sở giáo dục đại học ngoài nước. Sinh viên khi ra trường khó đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng đặc biệt là khối FDI. Ngoài ra vấn đề công nhận văn bằng của các cơ sở giáo dục trong nước mà người học khi muốn chuyển đổi với nước ngoài cũng rất nan giải.

Mục tiêu trước mắt của các trường đại học Việt Nam hiện nay là cần chú trọng “kỹ năng xử lý vấn đề đặt ra trong cuộc sống hơn là nhồi nhét làm đầy kiến thức có sẵn một cách thụ động”. Mục tiêu đổi mới giáo dục chưa rõ ràng, lúng túng giữa phương pháp giảng dạy truyền thống và giảng dạy tích cực. Giảng viên phần lớn chưa đưa ra được phương pháp dạy học theo kiểu gợi mở, hướng đến sự kích lệ người học, biết tự học, tự nghiên cứu theo lối tư duy logic và sáng tạo. Trong một thời gian dài, do nhiều nguyên nhân khác nhau, Việt Nam chưa chú trọng đúng mức đến việc đặt ra mục tiêu và định hướng chiến lược cho nền giáo dục trong đó có giáo dục bậc đại học.

Gần đây, mục tiêu giáo dục đại học nước ta tuy có sự thay đổi, trong đó có việc xác định mục đích, quan điểm của giáo dục là đào tạo nhân tài. Ở một góc nhìn đúng, nhân tài có nghĩa là những người đặc biệt xuất sắc, được xã hội công nhận. Số người này thuộc hàng hiếm. Mục tiêu sẽ không thể đạt được. Thực tế, các trường đại học Việt Nam hiện tại các giảng viên cố gắng lắm, cũng chỉ mới trang bị cho sinh viên, nghiên cứu sinh những kiến thức cơ bản. Hoặc khá

hơn tý chút, một số ít giảng viên mới chỉ cố gắng trang bị cho sinh viên khả năng phân tích độc lập và suy luận logic.

Trong khi đó, có nhiều quốc gia có nền giáo dục tiên tiến, khi đặt mục tiêu giáo dục, họ đã rất thực tế. Một số trường đại học tên tuổi ở Mỹ, họ xác định mục tiêu rất rõ ràng “*mục tiêu của môi trường giáo dục và sinh hoạt sinh viên là đào tạo những cá nhân thành đạt và công dân có trách nhiệm. Người học, sau khi tốt nghiệp, tự tin trong việc tìm hiểu rộng rãi nhiều vấn đề và kinh nghiệm ở nhiều môi trường ngoài đời, ở nhiều lĩnh vực khác nhau, dù sinh viên đó học bất kể ngành chuyên môn nào*”.

Ông Paul Reville, giám đốc sáng lập phòng thiết kế giáo dục Đại học Harvard chia sẻ: “*mục đích chính của chúng tôi là muốn đưa những yếu tố bên ngoài cộng đồng vào trong giáo dục để sinh viên có trải nghiệm thực tế, từ đó mới phát triển toàn diện. Tuy nhiên, đây là cả quá trình lâu dài và đòi hỏi nỗ lực lớn, không thể thành công nhanh trong một sớm, một chiều*”. Với mục tiêu đó, hầu hết các trường đại học Việt Nam không đặt ra được, hoặc chưa coi trọng, và khó làm được dẫn đến nguyên nhân giảm chất lượng “sản phẩm” sau đào tạo. Sinh viên ra trường không tìm được việc làm, thậm chí mất phương hướng.

Các bất cập, yếu kém trên đây góp phần làm cho giáo dục đại học ở Việt Nam tụt hậu và sự tụt hậu này đang tác động tiêu cực đến quá trình phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Chất lượng nguồn nhân lực sau đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Theo kết quả khảo sát tại 60 doanh nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ công nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh về “đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp về chất lượng của sinh viên được đào tạo trong 5 năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp (đánh giá dựa

trên các tiêu chí kiến thức lý thuyết, kỹ năng thực hành, trình độ ngoại ngữ, tác phong làm việc và năng lực nghề nghiệp), chỉ có 4% tổng số sinh viên tham gia khảo sát được đánh giá ở mức độ tốt, 16% ở mức độ khá, 41% ở mức độ trung bình và 39% ở mức độ không đạt. Kết quả này không chỉ phản ánh sự hạn chế trong giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay mà còn gián tiếp chỉ báo một nguy cơ lao động Việt Nam sẽ tụt hậu so với các nước khác trong khu vực, trong khi các doanh nghiệp đã và đang sử dụng công nghệ tự động trong quản lý nhân lực.

II. Một số giải pháp đổi mới phương pháp giảng dạy bậc đại học Việt Nam hiện nay

Trong bài viết này, chúng tôi xin đề xuất, gợi mở một số giải pháp với mong muốn góp phần đổi mới phương pháp giảng dạy đại học, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, giúp sinh viên ra trường có khả năng hội nhập, đáp ứng được yêu cầu của người sử dụng lao động trong thực tế.

1/ Ngành giáo dục nói chung, nhà trường nói riêng cần nhanh chóng, kịp thời chuyển đổi cách thức giáo dục từ truyền đạt kiến thức sang phát triển phẩm chất và năng lực người học. Thực hiện phát triển nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp; phát triển giáo dục – đào tạo từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng cả số lượng, chất lượng và hiệu quả.

Lưu ý cung cấp nhiều kỹ năng phù hợp cho sinh viên hơn như: Biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phát triển năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn dựa trên kiến thức khoa học, có phong cách học tập sáng tạo, chủ động, đồng thời chú ý hình thành phẩm chất và phát triển năng lực người học (tổ chức nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp); chuyển phát triển

giáo dục- đào tạo, từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng cả số lượng, chất lượng và hiệu quả; chuyển từ học thuộc, nhớ nhiều sang hình thành năng lực tư duy độc lập giải quyết vấn đề, vận dụng, thích nghi...

2/ Đổi mới mạnh mẽ nội dung chương trình và phương pháp dạy học theo hướng hội nhập quốc tế. Nội dung chương trình và giáo trình cần được tổ chức xây dựng và triển khai theo hướng mở (cho phép cập nhật thường xuyên về kiến thức trong và ngoài nước, sử dụng giáo trình, học liệu trong nước hoặc ngoài nước một cách linh hoạt để giảng dạy cho người học), nội dung giảng dạy phải gắn chặt và phù hợp với yêu cầu thực tiễn của ngành nghề mà người học đang theo đuổi. Về phương pháp, cho phép sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học theo nguyên tắc **“lấy người học là trung tâm”**, giảm tải tối đa giờ giảng trên lớp để người học có thời gian tự học và tự nghiên cứu. Tất nhiên, các cơ sở đào tạo cần thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, đánh giá khách quan, chặt chẽ để bảo đảm tính hiệu quả của việc dạy và học.

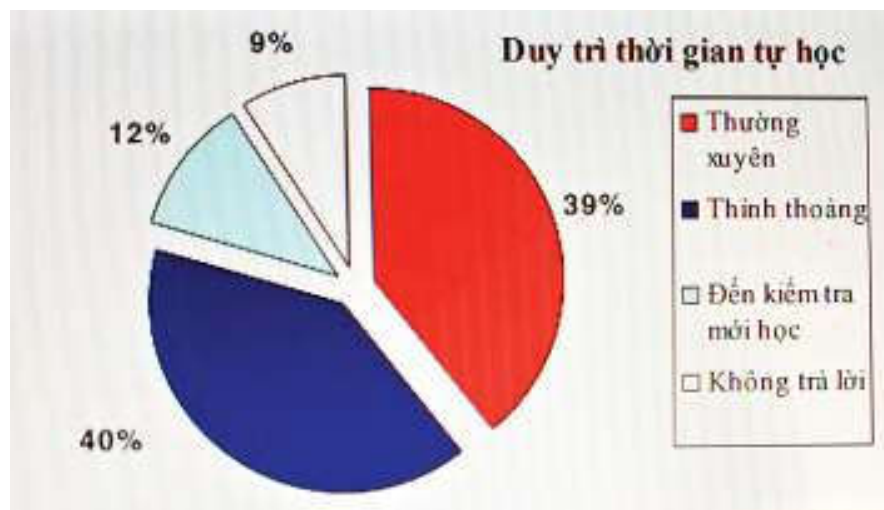
Theo khảo sát của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn *“Về thời gian tự học của SV: Để học tốt, ngoài giờ lên lớp, SV phải có thời gian chuẩn bị cho môn học bằng cách đọc giáo trình, truy tìm tài liệu có liên quan đến môn học, tự học và nghiên cứu; thời gian tự học đòi hỏi phải nhiều hơn thời gian lên lớp và được duy trì một cách thường xuyên. Tuy dự lớp đều nhưng SV không dành đủ thời gian cho việc tự học: 2.602 SV (14%) có trên 5 giờ/tuần, 6.467 SV (34,8%) có từ 3-5 giờ/tuần, 5.700 SV (30,7%) có từ 1-2 giờ/tuần, 2.208 SV (11,9%) có dưới 1 giờ/tuần; 1.585 SV (8,5%) không trả lời câu hỏi này.*

Thời gian tự học của SV		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Trên 5 giờ/tuần	2.602	14,0	15,3	15,3
	Từ 3-5 giờ/tuần	6.467	34,8	38,1	53,4
	Từ 1-2 giờ/ tuần	5.700	30,7	33,6	87,0
	Dưới 1 giờ/tuần	2.208	11,9	13,0	100,0
	Total	16.977	91,5	100,0	
Missing system		1.585	8,5		
Total		18.562	100,0		

Bảng 1: Thời gian tự học của SV tham gia đợt khảo sát

Về việc duy trì thời gian tự học của SV: Học tập tốt là kết quả của nhiều yếu tố như dự lớp đầy đủ, duy trì đều và đảm bảo đủ thời gian tự học, chủ động sáng tạo trong việc học và nghiên cứu, v.v.. Nhằm nâng cao kết quả học tập, SV cần tự thành lập các nhóm học tập để học nhóm (250 ý kiến), đến lớp đúng giờ và thực sự chuyên cần (1.652 ý kiến), cần có thái độ tôn trọng mọi người, không làm việc riêng và chú ý nghe giảng (755 ý kiến), trong

lớp phải có ý thức học tập, tích cực tham gia thảo luận và đặt câu hỏi với GV (1.832 ý kiến) và phải tự học và chuẩn bị bài ở nhà (5.036 ý kiến). Những ý kiến này đóng góp cho thấy SV đã ý thức được sự cần thiết của việc tự giác và năng động trong học tập nhằm nâng cao kết quả cuối cùng. Tuy ý thức được sự cần thiết của việc tự học nhưng SV lại không thể duy trì thời gian tự học này một cách đều đặn và thường xuyên: chỉ có 7.318 SV (39%) tự nhận là đã thường xuyên duy trì thời gian tự học.



Bảng 2: Việc duy trì thời gian tự học của SV tham gia đợt khảo sát

Về mức độ tiếp thu bài giảng của SV: Mức độ tiếp thu bài giảng phụ thuộc vào nhiều yếu tố như nội dung bài giảng, khả năng truyền đạt của GV, ý thức tự giác học tập của SV thể hiện

qua việc tự tìm và xử lý thông tin, nghiên cứu tài liệu trước ở nhà, v.v.. Phần lớn SV tự đánh giá mức độ tiếp thu bài giảng là tương đối tốt.

Mức độ tiếp thu bài giảng của sinh viên		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Tốt	1.968	10,6	11,4	11,4
	Khá	6.939	37,4	40,3	51,7
	Trung bình khá	4.933	26,6	28,6	80,3
	Trung bình	2.650	14,3	15,4	95,7
	Yếu	549	3,0	3,2	98,9
	Kém	195	1,1	1,1	100,0
	Total	17.234	92,8	100,0	
Missing system		1.328	7,2		
Total		18.562	100,0		

Bảng 3: Mức độ tiếp thu bài giảng của SV tham gia đợt khảo sát”¹

3/ Chuyển đổi vai trò người dạy, giảng viên không còn là người duy nhất có được kiến thức bởi sinh viên có thể tự học, tự nghiên cứu và tham khảo từ nhiều nguồn khác nhau, kể cả Internet. Nhiệm vụ chính của giảng viên là tạo môi trường học tập, tạo điều kiện để từng sinh viên có cơ hội học tập theo phương pháp tích cực và sáng tạo, gắn việc nâng cao trình độ với thực tiễn cuộc sống. Hiển nhiên, đội ngũ giảng viên chính là lực lượng nòng cốt, quyết định chất lượng giáo dục. Trong thời đại 4.0, giảng viên cần phải đẩy mạnh dạy và học ngoại ngữ,

tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập và quản lý, sử dụng thuần thục những phương tiện dạy học hiện đại, nỗ lực đưa công nghệ mới vào học đường để giúp cho việc giảng dạy, học tập ngày càng hiệu quả hơn.

Giảng viên phải có tư tưởng đi trước đón đầu, phải nhanh chóng cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ, đổi mới phương pháp. Không tự phụ về kiến thức, kỹ năng của mình, vì nếu năng lực và phương pháp giảng dạy của giảng viên còn lạc hậu, chưa truyền được cảm hứng cho người học, thì chất lượng giáo dục khó đáp ứng tốt yêu cầu xã hội.

4/ Đổi thay tâm thế người học khi vai trò của giảng viên thay đổi, chắc chắn tâm thế người học cũng phải thay đổi theo một cách tương

¹ TS. Tô Minh Thanh, “Nhận diện thực trạng dạy và học tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn”, Hội thảo khoa học Đổi mới phương pháp giảng dạy theo học chế tín chỉ.

xúng. Học tập theo kiểu truyền thống vốn mang tính thụ động. Ngày nay, theo đòi hỏi của giáo dục hiện đại, sinh viên buộc phải tăng tính chủ động, khả năng tự định hướng các kiến thức mình cần và xây dựng lộ trình học tập riêng theo nhu cầu cần thiết của từng cá nhân. Sinh viên cần chủ động, tự học và học tập suốt đời.

Để tiếp thu kiến thức, sinh viên cần chuyển từ học thuộc, nhớ nhiều sang hình thành năng lực tư duy độc lập, vận dụng, giải quyết vấn đề. Tri thức không chỉ gói gọn trong sách vở, tài liệu, mà phải mở rộng việc tiếp thu kiến thức từ nhiều hình thức khác. Từ đó, sinh viên sẽ vừa học được kiến thức khoa học, vừa biết được cách vận dụng lý thuyết vào thực tiễn, tích cực thu hẹp khoảng cách giữa kiến thức hàn lâm và thực tế sinh động.

5/ Đổi mới hiệu quả các mục tiêu cơ bản của giáo dục đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất và năng lực người học. Thực hiện kiểm tra, thi cử, đánh giá kết quả giáo

dục, đào tạo bảo đảm trung thực, khách quan. Tiếp tục hoàn thiện giáo dục theo hướng mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Một số vấn đề đổi mới giáo dục đại học theo hướng hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay. Tạp chí Cộng sản 2016.
2. Các văn bản về Luật Giáo dục sửa đổi, bổ sung năm 2019.
3. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành TW; Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.
4. TS. Tô Minh Thanh, “*Nhận diện thực trạng dạy và học tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn*”, Hội thảo khoa học Đổi mới phương pháp giảng dạy theo học chế tín chỉ.